

**D**ức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni thường giảng giáo nghĩa Trung Đạo "Duy thức", là cái yếu lý của Pháp tướng tông. Lịch sử cho biết, khoảng 900 trăm năm sau, đức Bồ tát Di Lặc từ Cung trời Đâu xuất (Tushita) giảng xuống xứ A-Du-Đà (Ayodhya) miền Trung Thiên Trúc để truyền giáo cho hai anh em Vô Trước (Asangha) và Thế Thân (Vasubandhu). Ngài truyền cho Vô Trước năm bộ luận: 1) Du Già Sư Địa luận (Yoga-carya-bhumi-s'astra), 2) Phân biệt Du già luận (Vibhagayogâ s'astra), 3) Đại thừa Trang nghiêm luận (Mahâyânâ - lamkâra-castra), 4) Biện trung biên luận (Madhyâta-vibhâga-s'astra), 5) Kim Cương Bát Nhã luận (Vajracchedikâ - prajñâ - paramita - s'stra). Với Thế Thân Ngài giúp cho soạn xong bộ Duy Thức luận (Vidyâ-mâtra-siddhi-s'astrakârîkâ). Bộ kinh này là bản Kinh tổng quát, đúng đắn, hoàn chỉnh về ý nghĩa và cách đặt vấn đề, và cũng là bản kinh cuối cùng của Ngài. Sau này nó đã trở thành bản kinh chính của Pháp tướng tông với Viên Đông. Có nhiều luận sư viết sách và giảng nghĩa quyển Duy Thức luận, song chỉ có Ngài Hộ Pháp (Dharmapâla) là giảng đúng hơn hết cả và hoàn thành quyển Thành Duy thức luận. Đệ tử cao học bậc nhất của Ngài là Giới Hiền (s'ilabhadra) người Thiên Trúc hồi thế kỷ thứ VI thứ

VII, xứ Ma Kiệt Đà. Chính Ngài là người truyền lại cho Huyền Trang toàn bộ các kinh luận và đạo lý. Huyền Trang trở về Trung Quốc năm 645, trụ trì tại chùa Hoàng Phúc ở Trường An và dịch kinh rông rãi trong 19 năm. Đệ tử của Ngài là Khuy Cơ là bậc thạc đức đã soạn thành một trăm bài bình luận về Kinh và luận tại chùa Từ Ân. Đệ tử của Khuy Cơ là Huệ Chiếu cũng là một nhà soạn giả có danh. Hai ông là người có công lớn trong việc mở mang và truyền bá Pháp tướng tông ở Trung Hoa.

# DUY THỨC

## (Tâm lý học Phật giáo)

□ THÁI HUYỀN - TRỊNH VĂN HIẾN

Pháp tướng tông được truyền qua Nhật bởi Dosho, là bạn đồng môn với Khuy Cơ, năm 653; và Genbô qua thụ giáo nơi đệ tử của Huệ Chiếu đầu thế kỷ thứ VIII (712).

I - BA THỜI KỲ TRUYỀN ĐẠO  
Đức Phật và các tổ thường

tùy người mà dạy đạo: "Tùy cơ đạu giáo". Đối với người thấp thì nói thật đơn giản cho người ta dễ hiểu: với người có trình độ thì nói có lý lẽ cho họ nắm được. Pháp tướng tông phân các lời thuyết giảng của đức Phật ra làm ba thời kỳ: 1) Hữu, 2) - Vô, và 3) - Trung Đạo. Muôn pháp các tông phải đều gồm trong ba thời kỳ ấy.

- Trong thời kỳ đầu, người theo đạo còn mờ tối, chưa thấy rõ mình, còn tin chắc vào cái "tôi" (Ngã). Họ yêu thân mình nên phải trôi lặn trong biển luân hồi sinh tử. Để cứu họ, đức Phật dạy bước đầu cái "Có" (cái Hữu). Theo cái Có, mọi vật sống đều không chắc thật, nhưng những cái "pháp" làm ra "vật" là thật - Giáo lý này đã thuyết giảng trong các Kinh A - Hàm và các Kinh Tiểu thừa khác (1).

- Giai đoạn hai, người học đạo đã thoát khỏi cách nhìn sai lầm về "bản ngã" tức "cái tôi", song họ còn tin nơi các "Pháp" là thật. Đối với những người này, Phật dạy cho họ cái "không" (cái Vô). Theo cái "không", mọi vật đều là giả có, không thật có, "cái Tôi" không thật có, "cái pháp" cũng không thật có. Người học Phật đến được mức độ này đều tin rằng tất cả đều giả dối, không thật có, hư vô. Như thế là, họ luôn luôn nói rằng mọi vật là không hết cả. Trong hai trình độ, một trình độ tin "Có", một trình độ tin "Không", cả hai loại trình độ đều tin là





đúng có, nhưng chỉ đúng trong mức độ, theo căn cơ mà chưa thực hiểu trọn vẹn. Những người này còn chỗ chưa thực tường minh.

- Đến thời kỳ thứ ba, Phật thuyết giảng để cho thức tỉnh những người còn có những nhận thức lệch lạc đó. Ấy là Ngài dạy "Trung đạo", tức là không lệch "Hữu", không lệch "Vô", mà theo Trung đạo chính quán, để thể nhập chân lý tuyệt đối, đến được cái gọi là "Trí tuệ tột cùng".

Học thuyết của Trung đạo hay Pháp tướng tông chính là Duy Thức, nghĩa là duy có Thức, nên Phật dạy: "Tam giới duy tâm, Vạn pháp duy thức". Mọi vật đều do từ nơi tư tưởng con người mà có ra. Hầu hết mọi ý nghĩa của ta đều là tưởng tượng, và sự vật được biểu hiện thông qua ngôn từ là không thật. Tư tưởng tạo ra tất cả: Cái bàn là sự duyên hợp của gỗ, đinh, sơn, nhân công... ấy là chưa kể từ đâu sinh ra gỗ, từ đâu

sinh ra đinh, từ đâu sinh ra sơn và từ đâu sinh ra người thợ..., một sự tương quan tương duyên chằng chịt từ vô thủy... Bởi vậy từ ngữ "Cái bàn" đã được tổng quát hóa và trừu tượng hóa để ám chỉ cái vật này là cái bàn mà không chỉ thật rõ là loại bàn gì. Trong thực tế vô thủy chưa từng bao giờ có cái bàn. Nhưng ngay một vật trong giới tự nhiên như cái "Cây" thực ra cũng không thực có; và ngay con người chúng ta đây cũng không thực có. Đầu không phải là người, chân tay cũng không phải là người, thân cũng không phải là người và trí não cũng không phải là người, mà người là do duyên hợp của nhiều yếu tố. Chúng ta có thể tạm lấy thí dụ như "phim chụp bóng". Để cho có một động tác hoàn chỉnh, phim phải ghi được 24 hình trong một giây. Nếu chỉ xem một ảnh của phim rời rạc thì không phải động tác gì cả. Cũng hệt như thế, toàn

bộ thế giới chỉ là mộng ảo, không thực có. Cho đến ba cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), chín địa có hay không là từ trong tư tưởng mà thôi.

Người mới học Phật thì học "Pháp Hữu" tựa như bậc tiểu học và trung học; người đã qua bậc "Pháp Hữu" thì học "Pháp Vô" tựa như bậc Đại học; để lần lần tiến lên bậc "Trung đạo" tựa như bậc sau đại học, có thể nói là vô hạn. Tiến đến chỗ thấy được Hữu Vô bất nhị, vẫn sống trong "Thế giới sai biệt" mà Không sai biệt và hằng sống trong "Sự dung thông của hai thế giới Sai biệt và không sai biệt".

## II - HỌC THUYẾT

Theo Trung đạo của Duy Thức, Pháp tướng tông gồm một trăm pháp (Bách pháp minh môn) chia ra làm năm loại (2). Tuy phân ra làm năm, song chỉ có một loại trí quan trọng hơn hết cả ấy là Vua của trí (Citta Rājas; Rois de l'intellect). Có tám thứ trí mà người ta gọi là "Tám thức tâm vương": 1) Nhãn thức: thức của mắt, 2) Nhĩ thức: thức của tai, 3) Ty thức: thức của mũi, 4) Thiệt thức: thức của lưỡi, 5) Thân thức: thức của thân, xúc thức, 6) Ý thức, thức của Ý: thức thứ sáu này là quan trọng nhất trong tám thức; bởi lẽ, nó có thể đưa người ta tới chỗ thấp hèn, xấu xa nhất, mà nó cũng có thể dẫn người ta trở nên bậc Thánh thiện. Nó được mệnh danh: Công vi thủ, tội vi



khôi, 7) Thức của Ý hay Ý căn còn gọi là Mạt - na thức. Tính cách của thức Mạt na hay thức thứ Bảy là hay chấp ngã. 8) Tạng thức hay thức của tâm linh: A-lại-da.

Thức thứ tám hay A-lại-da là chúa tể; còn bảy thức kia là tùy tùng. Chúng đưa thông tin từ ngoài vào, phát lệnh từ trong ra và tạo ra những hình tư tưởng - thoát sinh, thoát diệt tựa như hình phim chiếu bóng. Cho nên cuộc đời là một chuỗi ảnh tượng, thoát hiện lên trong trí thức, thoát sinh ra trong tư tưởng để rồi lại tắt mất đi trong đó bởi một hình tư tưởng khác mới sinh ra... Thế nên, chùng nào bẫy cái thức kia cùng với A-lại-da không bắt được hình ảnh từ ngoài vào và nhận ra cuộc đời thì sự sống dứt tuyệt.

A-lại-da không có tướng. Thực tướng của A-lại-da là "Không tướng". Nó "lớn không ngoài", "nhỏ không trong". Nó có khả năng thu tóm vạn vật và cái Ngã vào trong nó. Mọi vật đều từ trong nó mà ra và đều trở lại vào trong nó. Trong bảy thức kia đều nương vào A-lại-da, riêng có thức thứ sáu: "Ý thức" được mệnh danh là "Công vi thủ, tội vi khôi". Nó có thể làm vẩn đục A-lại-da nhưng nó cũng có khả năng làm cho A-lại-da trở nên thanh tịnh để trở về đúng bộ mặt chân thực của mình.

### III - CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Ba thời kỳ giáo hóa của Pháp tướng tông gồm: Có (hữu), Không (Vô) và Trung

đạo là con đường có thể cứu độ chúng sinh.

Đức Phật giáo hóa chúng sinh "tùy ăn cho phương", "tùy cơ cho thức", có nghĩa là "tùy cơ đạo giáo". Phần lớn chúng sinh có trình độ thấp, Đức Phật dạy pháp "Có", có nghĩa là không thật có, là giả có để mọi người có thể nhận thấy nhà cửa, ruộng vườn, vợ đẹp con khôn, tiền tài danh lợi đều nay còn, mai mất, phù du, đều là "vô thường". Cho nên không vì thế mà đắm luyến. Ngay cái thân này cũng là giả có chớ nên luyến tiếc mà làm gì! - Pháp "Có" Đức Phật dạy người ta không còn "chấp ngã".

Những người đã nhận thức được là "không có cái tôi" (Vô ngã), Đức Phật dạy tiếp, "cái pháp (vạn vật) cũng không thật có". Vạn vật chỉ do duyên hợp; khi còn khi mất, khi hợp khi tan. Pháp "Không" Đức Phật dạy cho người ta không còn "chấp pháp", nên mọi người không còn ham sở hữu. Không còn ham sở hữu nên người ta không còn bị ràng buộc ở đời. Đức Phật dạy "Pháp có", "Pháp không" chỉ là phương tiện theo thứ lớp từ thấp lên cao. Tuy không phải là sai nhưng chưa thật đúng, bởi lẽ vẫn còn "Chủ", "khách". Chủ thấy "Có" là khách, Chủ thấy "Không" là khách, và như thế là vẫn còn sai biệt.

Một khi người đệ tử nhận thức được "Ngã không" và "Pháp không", Đức Phật dạy Trung đạo. Khi ấy, họ nhận thức được rằng, Có không

hẳn là có, Không cũng không hẳn là không; Có đấy mà không đấy, Không đấy mà có đấy. Bởi lẽ, con đường tu Phật là con đường tu Tuệ, nên cái quan trọng hơn hết cả là cái "trí thức", cái tư tưởng. Nó từ Vũ trụ mà nó cũng tạo ra vũ trụ. Nó vô hình nhưng cái sức mạnh của nó lại mạnh mẽ đến vô cùng. Mọi sự mọi vật đều do nó sinh ra, và người học Phật nhận thức được rằng, mọi vật đều là hoa đóm, duy có cái thức là đích thực.

Nhận thức được con đường Trung Đạo, người học Phật không còn dùng cái "Thức" của mình lao vào con đường "Tài - Sắc - Danh - Ăn - Ngủ", mà trau dồi, tinh tiến tu tập để dần đưa cái "Tâm sai biệt" của mình trở về cái bộ mặt thật của mình là cái "ban đầu không có một vật" (3); cái đó chính là cái "Tâm không sai biệt", cái "Hòn ngọc trong chéo áo người cùng tử", cũng chính là cái Tâm Phật của chính mình.

#### Chú thích:

(1) Bốn Kinh A - Hàm (Agama): 1) - Madhyamagama: Trung A Hàm; 2) Elcottaragama: Tạp A - Hàm; 3) Samyngtagama: Tăng Nhất A Hàm; 4) Dirhagama: Trường A - Hàm.

(2) 1) Vun của trí (Citta Râjas: Rois de l'intellect). 2) Tính của trí (Caïtta - Dharmas: Qualités intellectuelles). 3) Hình của trí (Rupa - Dharmas: Formes intellectuelles). 4) Ngoài cái trí (Citta - viprayukta - Dharmas: tout ce qui est en dehors de l'intellect). 5) Không có hình (Asamkrita - Dharmas: immatériel).

(3) "Bán lai vô nhất vật" (Huệ Năng)